

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN
Bản án số: 56/2022/HSST
Ngày: 21/6/2022.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T H.

Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị O và bà Vũ Thị T.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa : Bà Nguyễn Thị T V – Thư ký tòa án.

Đại diện VKSND huyện K: Bà Lê Thị T - KSV.

Hôm nay, ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 50/2022/TLST-HS, ngày 24/5/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXX ST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trọng B H1, sinh ngày 16/01/2004; HKTT: thôn O, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 11/12; Nghề nghiệp: Học sinh; Con ông Nguyễn Trọng M và bà Nguyễn Thị L; Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị bắt tạm giam từ ngày 25/02/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K (Có mặt).

2. Nguyễn T A, sinh ngày 31/12/2005; HKTT: thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn V1 và bà Tạ Thị T2; Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ nhất; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 14/02/2022, bị Công an huyện K đã xử phạt Cảnh cáo về hành vi “Đánh bạc”. Bị bắt tạm giam từ ngày 25/02/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (Có mặt).

3. Nguyễn Hữu P A1, sinh ngày 30/10/2005; HKTT: thôn V, thị trấn K1, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Hữu T3 và bà Phạm Thị M1; Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ hai; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 25/10/2021 bị Công an huyện K đã xử phạt 175.000đ về hành vi “Đánh bạc”. Bị bắt tạm giam từ ngày 25/02/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (Có mặt).

***. Người đại diện cho các bị cáo chưa đủ 18 tuổi gồm:**

1. Đại diện cho bị cáo Nguyễn T A là bà Tạ Thị T2, sinh năm 1978; Trú tại: thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt).

2. Đại diện cho bị cáo Nguyễn Hữu P A1 là bà Phạm Thị M1, sinh năm 1978; Trú tại: thôn V, thị trấn K1, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt).

***/ Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn T A và Nguyễn Hữu P A1 là:** Ông Đào Văn H2 – Luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh Hưng Yên (Có mặt).

***/ Người bị hại:** Cháu Đoàn Viết K2, sinh ngày 10/01/2005 và đại diện hợp pháp của cháu K2 là bà Dương Thị N, sinh năm 1978; Đều trú tại: thôn L, xã M2, huyện Y, tỉnh Hưng Yên (Đều có mặt).

***/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Nguyễn Trọng Bảo H2, sinh năm 2000; Trú tại: thôn O, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Trọng M1, sinh năm 1972; Trú tại: thôn O, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt).

***/ Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 2004; Trú tại: thôn 1, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 09 giờ ngày 23/02/2022, anh Đoàn Viết K2 sinh ngày 10/01/2005 ở thôn Đ1, xã Tr, huyện Y nhờ Nguyễn Hữu P A1 tìm mua hộ xe mô tô chính chủ, bị mất giấy tờ để làm phương tiện đi lại. Khoảng 19 giờ cùng ngày, P A1 gặp Nguyễn T A và Nguyễn Trọng B H1 tại quán Internet 89 Cybes ở thôn Phổ Phủ, thị trấn K1, huyện K. Tại đây, P A1 nhờ T A tìm mua xe mô tô không có giấy tờ cho K2. Sáng ngày 24/02/2022, P A1 gọi điện cho T A để hỏi về việc tìm mua xe, T A hẹn P A1 đến quán Internet 89 Cybes để nói chuyện. Lúc này H1 cũng có mặt ở quán, H1 đã nói với T A: “Hay lấy xe của tao tháo biển ra giả làm xe không giấy tờ bán cho nó rồi cướp lại”. T A đồng ý. Một lúc sau, P A1 và anh K2 đến quán Internet 89 Cybes, P A1 ngồi cùng dãy bàn máy tính với T A và H1, anh K2 ngồi dãy bàn khác. P A1 sử dụng máy tính của quán đăng nhập vào tài khoản Facebook “Bánh Mỳ Kem” của P A1 để nhắn tin với tài khoản Facebook “Nguyễn Thế”. T A sử dụng máy tính còn H1 sử dụng điện thoại cùng truy cập vào tài khoản Facebook “Nguyễn Thế” để nhắn tin. Quá trình nhắn tin P A1 hỏi việc tìm mua xe cho K2, H1 nhắn: “Giờ không có xe không giấy, tao với mày mỗ của nó không?”. P A1 nhắn: “Mày tính cách đi”, H1 nhắn lại: “Giờ tao mượn được một con xe, có giấy tờ các kiểu, nhưng tháo biển, nó đưa tiền, xong cho thằng kia cướp lại”. P A1 nhắn: “Chia như nào, ai ra cướp”. H1 nhắn: “Mỗi anh em một nửa”, T A nhắn: “OK thì tao với H1, vào việc, 3 anh em làm”. P A1 đồng ý và ra ngoài cửa quán nói chuyện riêng với H1. P A1 hỏi: “Giờ thế nào anh”. H1 nói: “Giờ mày dẫn thằng kia ra, tao lấy con xe của tao giả làm xe không giấy tờ rồi cướp lại”. P A1 hỏi: “Cướp như thế nào”, H1 nói: “Bán xong, tao nhờ nó chờ đến chỗ vắng người rồi cướp lại”. Sau đó, H1

mượn chiếc xe mô tô nhãn H1 Honda Wave, màu đen-bạc, BKS: 29X7-614.06 của anh trai mình là anh Nguyễn Trọng Bảo H2, H1 và T A đi xe mô tô này ra khu vực giãn dân ở thôn H3, xã Ân, huyện K rồi tháo biển số, chụp ảnh xe gửi cho P A1, P A1 nhắn tin thỏa thuận với H1, T A sẽ bán xe cho K2 với giá 7.000.000đ; P A1 sẽ được chia 3.000.000đ còn T A và H1 mỗi người được 2.000.000đ. P A1 cho K2 xem ảnh xe, K2 đồng ý mua. Sau đó, H1 và T A đi về quán Internet 89 Cybes đón K2 và P A1 đến khu vực giãn dân ở thôn Hạ, xã An Vĩnh, huyện K để mua bán xe. H1 giao xe mô tô đã tháo biển số cùng chìa khóa xe cho anh K2 và nhận số tiền 7.000.000đ của anh K2. Sau đó H1 nhờ anh K2 chở H1 và T A về nhà. K2 cầm lái, ngồi sau K2 lần lượt là P A1, H1 và T A. H1 chỉ đường cho K2 đến khu vực nghĩa trang thôn 2, xã Ô, huyện K. Tại đây, H1 cố tình làm rơi dép rồi kêu lên: “Anh làm rơi dép rồi, dừng xe lại”, K2 dừng xe lại. T A ngồi phía ngoài xuống xe nhặt dép cho H1, H1 xuống xe và chạy tới đầu xe, dùng tay phải rút chìa khóa xe ra và quát lớn: “Tất cả xuống xe, xe này là của tao”. K2 nói: “Anh bán xe cho em rồi mà, anh mà làm thế em báo công an”. H1 nói: “Thích thì báo, xe tao có đầy đủ giấy tờ”. Anh K2 giơ tay lên định lấy lại chìa khóa từ H1 thì T A chạy đến đứng đối diện anh K2 dùng hai tay nắm 01 phát trúng đầu, 02 phát trúng bụng của anh K2. Bị đau, anh K2 cúi người về phía trước thì bị T A dùng gối phải đánh 01 phát trúng vào mặt. P A1 giả vờ ra can và nói: “Các anh bán xe này cho bọn em rồi mà”. Anh K2 sợ hãi không dám chống cự lại thì H1 và T A lấy xe bỏ đi. Khoảng 13 giờ cùng ngày, tại công trường đang thi công gần trường THPT Khoái Châu, H1 chia cho P A1 2.000.000đ và nợ lại 1.000.000đ; H1 chia cho T A số tiền 2.000.000đ nhưng T A nhờ H1 cầm hộ. Số tiền chiếm đoạt của anh K2, H1 sử dụng mua đồ ăn hết 1.300.000đ nhưng không nhớ mua của ai. Ngày 14/02/2022, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của H1 thu giữ số tiền 3.700.000đ. Cùng ngày P A1 tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000đ, 01 điện thoại di động Iphone XS màu vàng; anh Nguyễn Trọng Bảo H2 tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô Honda Wave màu đen bạc BKS: 29X7-614.06. Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng đối với chiếc xe mô tô và điện thoại trên, số tiền thu giữ được đưa vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện K. Đối với chiếc điện thoại di động H1 sử dụng để trao đổi bàn bạc về việc cướp tài sản, H1 khai đã làm rơi mất không rõ ở đâu nên không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-ĐG ngày 29/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: Chiếc xe mô tô Honda Wave màu đen bạc biển số 29X7-614.06 có giá trị là 10.167.000đ.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình các bị cáo đã bồi thường cho anh K2 số tiền 7.000.000đ, anh K2 không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 54/CT – VKSKC, ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố Nguyễn Trọng B H1, Nguyễn T A và Nguyễn Hữu P A1 về tội: “Cướp tài sản” quy định tại điểm khoản 1 Điều 168 của BLHS 2015.

Tại phiên toà hôm nay:

[1] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo H1, T A và P A1 phạm tội: “Cướp tài sản”; Căn cứ khoản 1 Điều 168; Điều 17; Điều 58; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm o khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015 đối với bị cáo H1; Khoản 1 Điều 168; Điều 17; Điều 58; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của BLHS năm 2015 đối với các bị cáo P A1 và T A; Đề nghị xử phạt bị cáo H1 từ 03 năm 3 tháng đến 03 năm 06 tháng tù; P A1, T A mỗi bị cáo từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù đối với các bị cáo được tính từ ngày các bị cáo bị bắt tạm giam (Ngày 25/02/2022); Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K còn đề xuất căn cứ áp dụng pháp luật để xử lý vật chứng, đường lối xử lý về trách nhiệm dân sự.

[2]. Bị cáo H1, T A và P A1 thừa nhận diễn biến hành vi được mô tả trong bản cáo trạng số 54/CT – VKSKC, ngày 24 tháng 5 năm 2022 là H2 toàn đúng. Cả ba bị cáo đều khẳng định các bị cáo chơi thân và học cùng nhau nên bị cáo H1 biết chính xác P A1 và T A chưa đủ 18 tuổi. Được nói lời sau cùng, các bị cáo xin HĐXX xem xét xử các bị cáo mức án thấp nhất.

[3]. Những người đại diện hợp pháp của các bị cáo chưa đủ 18 tuổi: bà Phạm Thị M1 và bà Tạ Thị T2 trình bày quan điểm nhất trí với nội dung bản cáo trạng, luận tội của đại diện VKSND huyện K đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì các bị cáo tuổi đời còn trẻ, nhất thời phạm tội.

Riêng về trách nhiệm dân sự thì bà T2 và bà M1 trình bày: T A đã nhờ bà T2 và P A1 đã nhờ bà M1 thay các bị cáo tự nguyện bồi thường cho người bị hại, theo đó bà T2 tự nguyện bồi thường cho T A số tiền 2.500.000đ, bà M1 bồi thường cho P A1 số tiền 2.000.000đ. Số tiền trên bà T2, bà M1 không đề nghị Tòa án đặt ra giải quyết về trách nhiệm của T A và P A1 đối với số tiền mà các bà bỏ ra bồi thường cho các bị hại.

Đối với số tiền mà cơ quan điều tra hiện đang thu giữ là 5.700.000đ, bà T2 và bà M1 đề nghị được nhận lại theo tỷ lệ chia đều mỗi gia đình 1/3 là 1.900.000đ.

[4]. Luật sư bào chữa cho các bị cáo P A1 và T A là ông Đào Văn H2 nhất trí với Cáo Trạng đề nghị của đại diện VKSND huyện K và đề nghị HĐXX xử các bị cáo P A1 và T A mức án thấp nhất của Viện kiểm sát đề nghị.

[5]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Trọng Bảo H2 trình bày giữ nguyên quan điểm lời khai tại cơ quan điều tra về việc không biết H1 dùng xe của mình làm môi nhử để cướp tài sản của H1, anh Huy xin lại chiếc xe mô tô Honda Wave màu đen bạc biển số 29X7-614.06.

- Ông Nguyễn Trọng M1 trình bày: Sau khi bị cáo H1 phạm tội thì rất hối hận, nên đã nhờ ông thay bị cáo tự nguyện bồi thường cho người bị hại với tổng số tiền là 2.500.000đ. Ông M1 không đề nghị Tòa án đặt ra giải quyết về trách nhiệm

của bị cáo H1 đối với số tiền mà ông thay bị cáo bồi thường cho người bị hại. Đối với số tiền cơ quan điều tra hiện đang thu giữ là 5.700.000đ, ông M1 nhất trí với đề nghị của bà M1 và bà T2.

[6]. Người làm chứng là anh Nguyễn Văn Đ trình bày giữ nguyên quan điểm trình bày tại cơ quan điều tra về việc không biết các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không biết tiền các bị cáo chia nhau là tiền gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS năm 2015: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa các bị cáo không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại Cơ quan điều tra Công an huyện và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo H1, P A1 và T A thừa nhận do cần tiền tiêu sài cá nhân nên H1, T A và P A1 đã nảy sinh ý định lấy xe của H1, tháo BKS ra để giả làm xe không giấy tờ nhằm bán cho K2 rồi cướp lại. Theo đó, H1 mượn chiếc xe mô tô nhãn H1 Honda Wave, màu đen-bạc, BKS: 29X7-61406 của anh trai mình là Nguyễn Trọng Bảo H2, rồi tháo biển số, bán cho K2 với giá 7.000.000đ; Sau khi nhận đủ tiền bán xe và bàn giao xe cho K2 thì H1, P A1 và T A đã dụ K2 đến khu vực nghĩa trang thôn 2, xã Ô, huyện K là khu vực không có hộ dân sinh sống, vắng người qua lại. Tại đây, H1 cố tình làm rơi dép và yêu cầu K2 dừng xe lại để H1 xuống xe dùng tay phải rút chìa khóa xe ra và quát lớn: “Tất cả xuống xe, xe này là của tao”, T A chạy đến đứng đối diện với K2 dùng hai tay đấm 01 phát trúng đầu, 02 phát trúng bụng của K2. Những hành động, lời nói trên của H1, T A đối một người đang ở nơi đất khách, quê người như K2 khiến cho K2 lâm vào tình trạng tê liệt ý chí, không thể chống cự được nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản là chiếc xe mô tô nhãn H1 Honda Wave, màu đen-bạc, BKS: 29X7-614.06, trị giá 10.167.000đ. Đối với P A1, mặc dù tại thời điểm H1 dùng lời nói, T A dùng vũ lực đối với K2 để nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản thì P A1 không có hành động, lời nói gì nhằm uy hiếp tinh thần của K2. Tuy nhiên, chính P A1 đã được thống nhất ý chí từ trước với H1 và T A về việc cướp tài sản nên P A1 chỉ đứng đó nhìn H1 và T A thực hiện hành vi đe dọa, dùng vũ lực với K2, bỏ mặc hậu quả xảy ra. Lời khai nhận tội của các bị cáo H2 toàn phù hợp với: Đơn trình báo và lời khai của người bị hại, biên bản hiện trường, lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của những người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, trích xuất camera, vật chứng thu giữ được và toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ ngày 24/02/2022, tại khu vực nghĩa trang thôn 2, xã Ô, huyện K, Nguyễn Trọng B H1, Nguyễn T A và Nguyễn Hữu P A1 đã có hành vi đe dọa và dùng tay, chân đánh vào mặt, đầu, bụng của anh Đoàn Viết K2 nhằm chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn H1 Honda Wave, màu đen-bạc, biển số 29X7-614.06, trị giá 10.167.000đ.

Mặc dù giữa H1, T A và P A1 có sự bàn bạc, thống nhất nhưng chỉ là thống nhất ý trí cùng nhau thực hiện tội phạm. Cụ thể, giữa các bị cáo chỉ bàn bạc thống nhất với nhau về việc cướp lại chiếc xe trên ở nơi vắng vẻ mà không bàn với nhau cướp tại vị trí nào, cướp như thế nào, ai là người cướp và cũng không phân công rõ ràng nhiệm vụ của từng người như ai làm gì, làm như thế nào, ở đâu, không có người cầm đầu, người chỉ huy là không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo với nhau, không vạch ra kế hoạch để thực hiện việc cướp tài sản, dưới sự điều khiển thống nhất của người cầm đầu. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố H1, T A và P A1 theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số: 54/CT-VKSKC, ngày 25/5/2022 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Đánh giá vai trò thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án này thì thấy: H1 là người K2 xướng đồng thời là người chuẩn bị công cụ, phương tiện và trực tiếp tham gia phạm tội nên giữ vai trò chính; T A và P A1 cùng giữ vai trò đồng phạm là người thực hành tích cực sau H1.

[4]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến 02 khách thể được luật hình sự bảo vệ đó là quyền sở hữu tài sản và quyền nhân thân. Hành vi của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân trong việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe và quản lý tài sản nói chung. Vì vậy, cần T2 phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo H1 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Các bị cáo còn lại là T A và P A1 đều có tiền sự. Cụ thể, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 29/QĐ-XPVPHC, ngày 25/10/2021 của Công an huyện K đã xử phạt P A1 175.000đ về hành vi “Đánh bạc”; Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 08/QĐ-XPVPHC, ngày 14/02/2022 của Công an huyện K đã xử phạt T A với hình thức Cảnh cáo về hành vi “Đánh bạc”. Đối chiếu theo quy định tại Điều 137 của Luật xử lý vi phạm hành chính thì các bị cáo P A1 và T A chưa được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm: Tại phiên tòa hôm nay H1, T A và P A1 đều khẳng định họ từng học và chơi thân với nhau nên H1 là người biết rõ T A và P

A1 chưa đủ 18 tuổi nhưng vẫn rủ P A1 và T A cùng thực hiện hành vi cướp tài sản với H1. Đây cũng chính là hành vi dùng lời nói tác động đến P A1 và T A làm cho P A1 và T A nảy sinh ý định phạm tội với vai trò đồng phạm. Nên H1 bị chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Xúi giục người chưa đủ 18 tuổi phạm tội” được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015. Hai bị cáo còn lại là P A1 và T A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Cả ba bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Sau khi phạm tội, cả ba bị cáo đều đã tác động đến gia đình để bố, mẹ các bị cáo thay các bị cáo tự nguyện khắc phục hậu quả thay cho các bị cáo. Cụ thể, ông Nguyễn Trọng M1 thay bị cáo H1 bồi thường cho K2 số tiền 2.500.000đ; Bà Tạ Thị T2 thay bị cáo T A bồi thường cho K2 số tiền 2.500.000đ; Bà Phạm Thị M1 thay mặt mặt bị cáo P A1 bồi thường cho K2 số tiền 2.000.000đ; Người bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bố, mẹ các bị cáo đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được chính quyền cơ sở xác nhận. Vì vậy, cần áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù H1 có nhân thân tốt nhưng lại là người K2 xương, giữ vai trò cao nhất trong vụ án. T A và P A1 đều đang có tiền sự. Mặt khác, lần phạm tội này của các bị cáo lại có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn. Do vậy, cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Trong vụ án này: T A và P A1 tại thời điểm phạm tội đều chưa đủ 18 tuổi, nên khi quyết định hình phạt, HĐXX áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới mười tám tuổi phạm tội được quy định tại Điều 90, Điều 91, khoản 1 Điều 101 của BLHS để bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K và luật sư bào chữa cho bị cáo T A và P A1 về mức hình phạt và điều luật áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là đối tượng không có công ăn việc làm ổn định, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn, không bị cáo nào có tài sản riêng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng khoản 6 Điều 168 của BLHS năm 2015 là phạt tiền đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Cháu K2 và người giám hộ cho cháu K2 đã nhận đủ tiền của mình, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản gì. Nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[8]. Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ: Số tiền 3.700.000đ tại phòng ngủ của H1; P A1 tự nguyện giao nộp số tiền 2.000.000đ và 01 điện thoại di động Iphone XS màu vàng; Anh Huy tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô Honda Wave màu đen bạc BKS: 29X7-614.06 nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a, b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015 để xử lý vật chứng như sau:

Đối với 01 điện thoại di động Iphone XS màu vàng do P A1 tự nguyện giao nộp không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho P A1 chiếc điện thoại nói trên.

Đối với số tiền 5.700.000đ gồm: Thu giữ tại nhà H1 và P A1 tự nguyện giao nộp là tiền các bị cáo phạm tội mà có, lẽ ra số tiền này phải được trả lại cho người bị hại. Tuy nhiên, bố của bị cáo H1 là ông M1 và đại diện hợp pháp của P A1 là bà M1, đại diện hợp pháp của T A là bà T2 đã thay các bị cáo bồi thường cho người bị hại toàn bộ số tiền bị các bị cáo chiếm đoạt. Tại phiên tòa hôm nay, ông M1, bà M1 và bà T2 cũng đề nghị được xin lại số tiền trên theo tỷ lệ chia đều mỗi người 1/3 là $5.700.000đ : 3 = 1.900.000đ$. HĐXX xét thấy, đề nghị của ông M1, bà M1 và bà T2 về việc nhận lại số tiền trên là chính đáng, mức tiền mỗi người xin nhận lại được ông M1, bà M1 và bà T2 thỏa thuận chia đều mỗi người 1.900.000đ là sự tự nguyện, không trái pháp luật được HĐXX chấp nhận. Nên cần trả lại cho Ông M1, bà T2 và bà M1 mỗi người 1.900.000đ.

Đối với 01 chiếc xe mô tô Honda Wave màu đen bạc biển số 29X7-614.06 là xe của anh Huy, anh Huy không biết H1 mượn xe của anh để dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên cần trả lại cho anh Huy chiếc xe trên.

Đối với 01 chiếc USB chứa file hình ảnh H1, T A, P A1 và K2 đứng nói chuyện thỏa thuận mua xe tại cửa quán internet 89-Cybes là tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên cần T2 lưu tại hồ sơ vụ án.

[9]. Về án phí: Cần buộc các bị cáo H1, P A1 và T A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015. Do các bị cáo P A1, T A đến thời điểm xét xử đều chưa đủ 18 tuổi, không có tài sản riêng nên đại diện theo pháp luật của các bị cáo này sẽ phải nộp thay cho các bị cáo số tiền án phí nói trên.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đại diện hợp pháp, người bào chữa cho các bị cáo chưa đủ 18 tuổi, bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 168; Điều 17; Điều 58; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điểm o khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Trọng B H1.

- Khoản 1 Điều 168; Điều 17; Điều 58; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của BLHS năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Hữu P A1 và Nguyễn T A.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trọng B H1, Nguyễn T A và Nguyễn Hữu P A1 đều phạm tội: “Cướp tài sản”.

Xử phạt: - Nguyễn Trọng B H1 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (25/02/2022).

- Các bị cáo Nguyễn Hữu P A1 và Nguyễn T A mỗi bị cáo 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày các bị cáo bị bắt tạm giam (25/02/2022).

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về vật chứng trong vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a, b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu P A1 01 điện thoại di động Iphone XS màu vàng.

- Trả lại cho ông Nguyễn Trọng M1, sinh năm 1972; trú tại: thôn O, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng chẵn).

- Trả lại cho bà Tạ Thị T2, sinh năm 1978; Trú tại: thôn B, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng chẵn).

- Trả lại cho bà Phạm Thị M1, sinh năm 1978; Trú tại: thôn V, thị trấn K1, huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền 1.900.000đ (Một triệu chín trăm nghìn đồng chẵn).

(Toàn bộ số tiền nêu trên đang có trong tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành dân sự huyện K tại Kho bạc Nhà nước huyện K).

- Trả lại cho anh Nguyễn Trọng Bảo H2, sinh năm 2000; Trú tại: thôn O, xã Ô, huyện K, tỉnh Hưng Yên 01 chiếc xe mô tô Honda Wave màu đen bạc biển số 29X7-614.06 .

(Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 46/QĐ-VKSKC ngày 24/5/2022 của VKSND huyện K).

Lưu tại hồ sơ vụ án: 01 chiếc USB chứa file hình ảnh H1, T A, P A1 và K2 đứng nói chuyện thỏa thuận mua xe tại cửa quán internet 89-Cybes.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo H1, P A1 và T A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Do các bị

cáo P A1, T A đến thời điểm xét xử đều chưa đủ 18 tuổi, không có tài sản riêng nên đại diện theo pháp luật của các bị cáo này sẽ phải nộp thay cho các bị cáo số tiền án phí nói trên.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015. Báo cho các bị cáo, đại diện hợp pháp và người bào chữa cho các bị cáo chưa đủ 18 tuổi, người bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/6/2022).

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TP- chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện KC;
- Công an huyện KC;
- Chi cục THADS huyện KC;

Nguyễn Thị T H

- UBND xã T, UBND Thị trấn
và UBND xã Ô;
- Bị cáo và giám hộ của bị cáo,
người bị hại và đại diện của bị hại, người liên quan;
- Lưu HSVA.